

Bản án số: 124/2017/DS-PT

Ngày: 18-8-2017

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thành

Các Thẩm phán:

Ông Trần Trí Dũng

Ông Phạm Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Võ Quốc Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2014/DS-ST ngày 02/12/2014 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2017/QĐPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khu A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Phường D, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lưu Ngọc T– Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Ngô Kế N, sinh năm 1978;

2.2. Bà Đỗ Mai P, sinh năm 1978;

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Đỗ Mai P (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2017).

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận T, thành phố Cần Thơ.

2.3. Ông Nguyễn Điền L, sinh năm 1968;

2.4. Bà Lê M, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ : Khu vực C, phường P, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Điền L, bà Lê M: Bà Nguyễn H (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2017).

Địa chỉ: phường L, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

3.1. Ông NLQ 1 (LQ 1), sinh năm 1941;(chết ngày 21/10/2015).

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông NLQ 1 (LQ 1):

3.1.1. Bà NLQ 2, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Khu vực A, phường P, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.1.2. Ông NLQ 3, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số Xã H, huyện T, tỉnh An Giang.

3.1.3. Ông Ngô Kế N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.2. Bà NLQ 2, sinh năm 1940;

Địa chỉ: Khu vực A, phường P, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ 2: Bà Đỗ Mai P (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2017).

3.3. Ông NLQ 3, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số Xã H, huyện T, tỉnh An Giang.

3.4. Bà NLQ 4, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Khu vực C, phường P, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ 4: Bà Nguyễn H (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2017).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc L là nguyên đơn trong vụ án.

(Bà L, Luật sư T, bà P, bà H: Có mặt; ông NLQ 3: Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/11/2007 ông Ngô Kế N cùng bà Đỗ Mai P ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCT X Việt Nam số tiền 1,8 tỷ đồng để nuôi cá. Để đảm bảo nợ vay trên, ông NLQ 1 (cha ông N) đã ủy quyền cho ông N thế chấp 02 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất do ông NLQ 1 đứng tên; ông Nguyễn Điền L đồng ý bảo lãnh cho ông N, bà P bằng cách thế chấp 06 giấy tờ nhà đất do ông L và mẹ ông là bà NLQ 4 đứng tên.

Do không trả nợ đúng hạn nên ngân hàng đã khởi kiện ông N, bà P để yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

Ngày 04/4/2014 và ngày 12/8/2014 bà Nguyễn Ngọc L có đơn khởi kiện, nội dung đơn kiện cho rằng do ông Võ Văn S giới thiệu nhờ bà giải chấp hồ sơ nợ quá hạn của ông N nói trên. Bà L đồng ý cho ông N, bà P cùng ông L, bà M vay 3 tỷ đồng để giải chấp hợp đồng vay trên, nhưng phải giao cho bà giữ bản chính các giấy tờ nhà đất đang thế chấp tại ngân hàng gồm : 05 giấy của ông L và 01 giấy của bà NLQ 4 (Mẹ của ông L) và ông L, bà M cùng bà NLQ 4 đã chấp thuận. Ngoài ra, ngày 23/10/2010, ông L, bà M, ông N, bà P cùng vợ chồng ông NLQ 1 và bà NLQ 2 và ông NLQ 3 cùng ra công chứng ủy quyền giao cho bà quản lý các tài sản theo các giấy đất số 022896, 00971821, W186133, L 022895, W 825770, H 742160, nhưng ông L lách mặt hứa sẽ ra công chứng ký sau.

Vì vậy, ngày 27/10/2010, giữa bà (Bên cho vay) với các đương sự gồm ông NLQ 1, bà NLQ 2, ông NLQ 3, ông N và bà P, ông L và bà M (Bên vay nợ) lập Giấy nhận tiền trả nợ ngân hàng, thỏa thuận nếu bên vay sau 3 ngày không trả nợ số tiền vay trên thì phía bà L có quyền đơn phương thanh lý tài sản trên để thu hồi nợ, các đương sự đã ký tên. Riêng ông L và bà M không ký tên vào văn bản này.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu:

- Đối với khoản nợ vay 300.000.000đ, ông N và bà P vay: Vốn lãi tính đến ngày 27/3/2011 là 316.875.000đ. Ngày 27/3/2011 ông N, bà P đã giao cho bà L 02 thửa ruộng, các bên thống nhất giá trị là 800.000.000đ nên số tiền còn thừa sau khi thanh toán là 483.125.000đ.

Đối với khoản nợ 2,6 tỷ đồng, yêu cầu ông N, bà P, ông L, bà M, ông NLQ 1, bà NLQ 2, ông NLQ 3 và bà NLQ 4 phải liên đới trả cho bà 3.520.875.000 đồng (Bao gồm: Tiền vốn vay 2.600.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 27/10/2010 đến ngày 03/10/2014 với lãi suất 1,125%/tháng là 1.404.000.000 đồng. Khấu trừ giá trị 2 thửa đất ông N đã giao còn lại tiền lãi là 920.875.000 đồng).

Bị đơn ông Ngô Kế N và bà Đỗ Mai P trình bày:

Ông bà thừa nhận có vay của bà L 300.000.000đ tiền mặt và nhờ bà L giải chấp số tiền nợ ngân hàng 2,6 tỷ đồng. Trước đây, ông bà có giao cho bà L 02 thửa đất ruộng để trừ nợ với giá 800.000.000đ. Ông bà đồng ý trả số nợ như bà L trình

bày. Tuy nhiên, trước đây ông L, bà M có vay tiền Ngân hàng phát triển nhà NTP, do không có tiền trả nợ nên ông N, bà P đã trả nợ thay và sau đó lấy giấy tờ nhà đất ra để vay Ngân hàng TMCT X Việt Nam- Chi nhánh TD 1,8 tỷ đồng (trong đó cho vợ chồng ông L, bà M vay lại 300.000.000đ). Ông bà yêu cầu ông L, bà M liên đới trả nợ cho bà L.

Bị đơn ông Nguyễn Điền L, bà Lê M trình bày:

Gia đình ông bà mang ơn vợ chồng ông N, bà P, nên năm 2007 gia đình ông bà ký hợp đồng thế chấp tài sản để bảo lãnh ông N, bà P vay Ngân hàng 1,8 tỷ đồng.

Tháng 8/2010, ông N, bà P còn nợ Ngân hàng 86.000.000đ, nên ông bà đã trả cho ngân hàng để nhận lại các giấy tờ đã thế chấp. Sau đó, bà L kéo đông người đến nhà nói ông bà thiếu nợ, nên gây áp lực buộc ông bà phải giao các giấy tờ nhà đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông bà không đồng ý và yêu cầu bà L phải trả lại các giấy tờ cho ông bà.

Đối với số nợ 300.000.000đ ông bà vay của ông N, bà P, thì đây là việc riêng giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông N, bà P. Nếu có phát sinh thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông NLQ 1, bà NLQ 2: Thống nhất với trình bày của ông N, bà P.
- Bà NLQ 4 thống nhất với trình bày của ông L, bà M.
- Ông NLQ 3 trình bày: Ông không có giao dịch vay tiền của Ngân hàng và bà L. Trước đây ông Điền L cùng ông đi gặp ông Võ Văn S để nhờ ông S giới thiệu người cho vay tiền để trả cho Ngân hàng. Ông thống nhất trình bày của ông N, bà P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2014/DSST ngày 02/12/2014 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Ngô Kế N và bà Đỗ Mai P, ông NLQ 1 và bà NLQ 2, ông NLQ 3 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc L số tiền vốn, lãi là 3.550.125.000 đồng.

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Điền L và bà Lê M, bà NLQ 4 liên đới trả nợ. Bà L phải giao các giấy tờ nhà, đất tại cơ quan thi hành án dân sự để trả cho ông Nguyễn Điền L bà Lê M và bà NLQ 4. Ngoài ra còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/12/2014 bà Nguyễn Ngọc L có đơn kháng cáo, đề nghị xem xét lại khoản nợ vay trên và yêu cầu ông Nguyễn Điền L, bà Lê M phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ trên. Đồng thời xem xét hành vi có dấu hiệu lừa đảo của vợ chồng ông Nguyễn Điền L và bà Lê M.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 163/2015/DSPT ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L. Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Ngô Kế N, bà Đỗ Mai P, ông NLQ 1, bà NLQ 2, ông NLQ 3, ông Nguyễn Điền L và bà Lê M phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc L số tiền vốn và lãi là 3.550.125.000 đồng (Ba tỷ năm trăm năm mươi triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án các khoản tiền nói trên, nếu ông N, bà P, ông NLQ 1, bà NLQ 2, ông NLQ 3, ông Điền L và bà M chậm trả số tiền nói trên thì phải chịu tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bà NLQ 4 phải liên đới trả nợ.

Bà Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm giao nộp các giấy tờ nhà, đất tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ để giao trả cho ông Nguyễn Điền L, bà Lê M và bà NLQ 4 cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000589/QSĐĐ đối với thửa đất số 555 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 04/5/1998 đứng tên hộ NLQ 4;
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 93/CN.CQ.UBH 2002 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 11/5/2004 đứng tên Nguyễn Điền L;
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 43/CN.CQ.UBH 2004 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 16/8/2002 đứng tên Nguyễn Điền L;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000590/QSĐĐ đối với thửa đất số 1021 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 04/5/1998 đứng tên hộ Nguyễn Điền L;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000516/QSĐĐ đối với thửa đất số 1060, 1061, 1063 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 26/3/1997 đứng tên hộ Nguyễn Điền L;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00157/QSDĐ đối với thửa đất số 1087, 1088, 1089 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/6/2003 đứng tên Nguyễn Điền L;

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí.

Bản án phúc thẩm số 163/2015/DSPT ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 96/2016/DS-GĐT ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 163/2015/DS-PT ngày 28/9/2015, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tiếp tục khởi kiện đòi nợ vay đối với ông NLQ 1, bà NLQ 2 và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn nên hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Điền L, bà Lê M không có giấy tờ gì giao dịch nợ vay với bà Nguyễn Ngọc L. Chứng cứ mới cũng chưa chứng minh được có sự giao dịch trực tiếp về nợ vay giữa bà L và ông L, bà M nên kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn cho rằng các bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và khởi kiện đòi nợ cho vay, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết theo quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[1] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Điền L, bà Lê M phải có trách nhiệm liên đới trả các khoản nợ. Đồng thời xem xét hành vi có dấu hiệu lừa đảo của vợ chồng ông Nguyễn Điền L và bà Lê M. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 27/11/2007 vợ chồng ông Ngô Kế N, bà Đỗ Mai P có ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng TMCT X Việt Nam- chi nhánh TĐ số tiền là 1,8 tỷ

đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Để đảm bảo số tiền vay, ông NLQ 1 (cha của ông N) đã ủy quyền cho ông N thế chấp 02 giấy chứng nhận QSDĐ do ông NLQ 1 đứng tên để thế chấp cho Ngân hàng; ông Nguyễn Điền L, bà Lê M đã thế chấp 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở mang tên Nguyễn Điền L và NLQ 4 (mẹ ông L) để bảo lãnh cho ông N, bà P. Do đến hạn trả nợ và không có khả năng thanh toán, nên Ngân hàng đã khởi kiện ông N, bà P. Đến ngày 27/10/2010, bà Nguyễn Ngọc L đã nộp số tiền 2,6 tỷ đồng cho Ngân hàng để thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 27/11/2007 và giải chấp các tài sản đã thế chấp. Như vậy, khi đã thanh toán xong nợ Ngân hàng và giải chấp các giấy tờ thế chấp thì theo quy định của pháp luật về hợp đồng bảo lãnh nghĩa vụ bảo lãnh của vợ chồng ông L, bà M đã chấm dứt đối với khoản vay của Ngân hàng TMCT X Việt Nam- chi nhánh TĐ số tiền là 1,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, còn phải xem xét về trách nhiệm của ông Điền L, bà M đối với khoản vay 2,6 tỷ đồng của bà L theo như đơn kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Ngày 27/10/2010, bà Nguyễn Ngọc L đã nộp số tiền 2,6 tỷ đồng cho Ngân hàng để thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 27/11/2007 và giải chấp các tài sản đã thế chấp cho Nguyễn Điền L, bà Lê M.

Ông L và bà M cho rằng, ông L, bà M đã nộp tiếp cho Ngân hàng TMCT X Việt Nam- chi nhánh TĐ số tiền 86.000.000đ để nhận các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để được Ngân hàng xoá thế chấp. Tuy nhiên, phía Ngân hàng đã xác nhận : “ Ngày 27/10/2010, Nguyễn Ngọc L nộp vào ngân hàng Eximbank số tiền 2.600.000.000đ (2,6 tỷ) để tất toán cho hợp đồng vay của khách hàng Ngô Kế N. Số tiền tất toán hợp đồng là 2.598.420.000đ. Số dư trong tài khoản là 1.580.000đ” (bút lục 104). Đồng thời, ông L cũng không có chứng từ gì chứng minh ông có trả cho Ngân hàng số tiền như ông đã nại ra để xoá thế chấp tại ngân hàng, nên lời khai trên của ông L, bà M không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Ông L, bà M cũng cho rằng, do bà L dùng áp lực kêu gọi đến nhà ông L, bà M, nên ông L, bà M mới giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (là tài sản trước đây đã thế chấp cho Ngân hàng) cho bà L (bút lục số 287). Hội đồng xét xử nhận thấy, theo “ Đơn xin xác nhận” ngày 30/6/2011, của bà L, thì Công an phường L, quận T đã xác nhận “ Vào ngày 27/10/2010 công an phường có kết hợp đội CSHS công an Quận đến nhà đ/s Nguyễn Điền L ngụ phường L, quận T để làm trung gian hoà giải. Sau đó, Đ/s L đã trả giấy tờ nhà đất cho Đ/s Nguyễn Ngọc L và Đ/s L có làm biên nhận, nhận lại giấy tờ từ phía Đ/s L” (bút lục 04).

Tại “Đơn xin xác nhận” ngày 06/3/2017 của bà Nguyễn Ngọc L, thì ông Nguyễn Trường G đã xác nhận như sau : “ ngày 27/10/2010 được sự phân công của lãnh đạo công an Quận, tôi cùng một đồng chí cùng cơ quan kết hợp với công an phường L xuống nhà ông Nguyễn Điền L giải quyết vụ việc tranh chấp tài sản với bà Nguyễn Ngọc L. Quá trình giải quyết thì giữa bà L và ông L có đưa giấy tờ đất cho bà L và thừa nhận có mượn nợ của bà L để trả nợ cho Ngân hàng. Hai bên có viết biên nhận với nhau” (bút lục số 415).

Tại “ tờ tường trình” ngày 10/3/2017 của ông Trương Hoàng P – người làm chứng cũng xác nhận : “Vợ chồng ông Điền L chỉ có viết 1 tờ giấy nội dung ghi việc vợ chồng ông Điền L xác nhận có vay tiền của bà L để trả nợ Ngân hàng và có giao giấy tờ về tài sản cho bà L cất giữ”.

Như vậy, không có sự ép buộc của bà L để buộc ông L, bà M giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L như lời khai của ông L, bà M.

[4] Theo quyết định thi hành án số 05 ngày 06/10/2010 của Cục thi hành án thành phố Cần Thơ, thì trường hợp ông N, bà P không thanh toán được nợ Ngân hàng TMCT X Việt Nam có quyền đề nghị phát mãi các tài sản đã thế chấp - là các tài sản của ông Điền L, bà M, bà NLQ 4. Tới thời điểm này, trách nhiệm của ông Điền L, bà M đã phát sinh đối với số nợ vay này. Vụ việc này cũng được ông Điền L thừa nhận trước cơ quan điều tra là : Nếu bà L không cho vay tiền thì đất, nhà của tôi sẽ bị phát mãi (bút lục 90). Như vậy, từ thời điểm này, bà M, ông N đã là người vay của bà L số tiền trên.

[5] Theo lời khai của ông NLQ 3 và ông Võ Văn S thì, ông Điền L cùng ông NLQ 3 đến gặp ông S để vay tiền trả cho Ngân hàng để không bị Cục thi hành án phát mãi tài sản. Ông S và ông Điền L đã tạo ra hợp đồng không vay ngân hàng với mục đích làm cho bà L tin tưởng trả số nợ cho ngân hàng. Như vậy, việc vay tiền của ông N, bà Mai P với bà L có liên quan đến ông Điền L, bà M.

[6] Tuy theo giấy nhận tiền trả nợ Ngân hàng lập ngày 27/10/2010 (bút lục 285) thì ông Nguyễn Điền L, bà Lê M và bà NLQ 4 (mẹ ông L) không có ký tên vào giấy nhận tiền của bà L, nhưng như đã phân tích ở trên đã thấy rằng, bà M và ông Điền L có liên quan đến việc vay nợ này. Hội đồng xét xử thiết nghĩ, chấp nhận kháng cáo của bà L để buộc ông Điền L, bà M cùng liên đới với ông N, bà P, ông NLQ 3, ông NLQ 1, bà NLQ 2 trả số nợ vốn và lãi là 3.550.125.000 đồng (Ba tỷ năm trăm năm mươi triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) cho bà L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Do ông LQ 1 đã chết (năm 2015), ông NLQ 3, ông N và bà NLQ 2 là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ về tài sản, nên có nghĩa vụ trả thay cho ông NLQ 1 số tiền trên tương ứng với tài sản ông NLQ 1 khi chết để lại.

[8] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc L về việc xem xét hành vi lừa đảo đối với ông Nguyễn Điền L và bà Lê M thì cơ quan Công an đã điều tra và có quyết định hành vi của ông L và bà M không cấu thành tội phạm. Yêu cầu kháng cáo này của bà L không có cơ sở chấp nhận do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên không đặt ra xem xét.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa án sơ thẩm.

Buộc ông Ngô Kế N, bà Đỗ Mai P, ông NLQ 3, bà NLQ 2, bà Lê M, ông Nguyễn Điền L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc L số tiền vốn và lãi là 3.550.125.000 đồng (Ba tỷ năm trăm năm mươi triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án các khoản tiền nói trên, nếu ông N, bà P, ông NLQ 3, bà NLQ 2, ông Điền L và bà M chậm trả số tiền nói trên thì phải chịu tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định theo Điều 305 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Bà Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm giao nộp các giấy tờ nhà, đất tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ để giao trả cho ông Nguyễn Điền L, bà Lê M và bà NLQ 4 cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000589/QSĐĐ đối với thửa đất số 555 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 04/5/1998 đứng tên hộ NLQ 4;
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 93/CN.CQ.UBH 2002 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 11/5/2004 đứng tên Nguyễn Điền L;
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 43/CN.CQ.UBH 2004 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 16/8/2002 đứng tên Nguyễn Điền L;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000590/QSĐĐ đối với thửa đất số 1021 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 04/5/1998 đứng tên hộ Nguyễn Điền L;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000516/QSĐĐ đối với thửa đất số 1060, 1061, 1063 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 26/3/1997 đứng tên hộ Nguyễn Điền L;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00157/QSĐĐ đối với thửa đất số 1087, 1088, 1089 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/6/2003 đứng tên Nguyễn Điền L.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Kế N, bà Đỗ Mai P, ông NLQ 3, bà NLQ 2, ông Nguyễn Điền L, bà Lê M phải có trách nhiệm liên đới nộp 103.002.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu không trăm lẻ hai ngàn đồng).

Bà Nguyễn Ngọc L được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 23.748.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 004997 ngày 04/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc L không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà L đã nộp theo biên lai số 001931 ngày 11/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Các đương sự trong vụ án;
- TAND quận Thốt Nốt;
- VKSND Tp. Cần Thơ ;
- Chi cục THA quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thế Thành